

CẠNH TRANH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP: TIẾP CẬN TỪ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*Lê Mai Thanh**

Ngày nay, mối quan hệ giữa sở hữu công nghiệp và thương mại trở nên gắn bó mật thiết. Chính sách bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được các quốc gia thừa nhận và xúc tiến hợp tác song phương cũng như đa phương nhằm đảm bảo sự phát triển quan hệ thương mại lành mạnh, phát triển thị trường tự do – mở cửa, ngăn ngừa các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các nguyên tắc hợp tác liên quan đến vấn đề cạnh tranh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp như chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng như hạn chế cạnh tranh được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết/gia nhập.

1. Một số hình thức biểu hiện của hành vi cạnh tranh liên quan tới sở hữu công nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường, quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) thể hiện lợi thế cạnh tranh và là nhân tố quan trọng đem lại lợi nhuận to lớn cho doanh nghiệp. Chính vì những lợi ích mà quyền SHCN mang lại cho các doanh nghiệp, thực tiễn cho thấy không ít trường hợp diễn ra những vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, xâm phạm quyền SHCN của chủ thể khác hoặc đôi khi chính các chủ thể quyền SHCN lạm dụng độc quyền của mình áp đặt các điều kiện bất lợi trong các giao dịch kinh doanh với các chủ thể khác. Tùy thuộc vào hình thức biểu hiện của các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến mục đích cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong lĩnh vực SHCN, có thể tiếp cận vấn đề theo các căn cứ pháp lý khác nhau.

Đứng dưới góc độ bảo hộ nhằm chống các hành vi xâm phạm quyền, chống các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới

SHCN, Công ước Paris về bảo hộ SHCN (Điều 10bis) đã quy định nghĩa vụ các quốc gia thành viên phải tiến hành bảo hộ hiệu quả chống lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Công ước ghi nhận rằng, bất cứ hành vi nào trái với tập quán trung thực trong công nghiệp và thương mại đều bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Công ước Paris không quy định cụ thể về các phương thức bảo hộ mà cho phép các quốc gia thành viên tự do lựa chọn phương thức chống cạnh tranh không lành mạnh trên cơ sở pháp luật quốc nội. Công ước Paris cũng ghi nhận nguyên tắc xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và cụ thể hóa một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh (xét theo hậu quả của hành vi như gây nhầm lẫn cho công chúng, làm mất uy tín đối thủ cạnh tranh...).

Tuân thủ nghĩa vụ điều ước, Việt Nam đã ghi nhận quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới SHCN là một trong các quyền SHCN được pháp luật Việt Nam bảo hộ (Luật Sở hữu trí tuệ ban hành năm 2005, sửa đổi năm 2009 và Luật Cạnh tranh ban hành năm 2004).

Đứng dưới góc độ bảo hộ cạnh tranh, hạn chế các hành vi lạm quyền SHCN nhằm tạo cơ hội bình đẳng cho hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong môi trường thương mại lành mạnh, Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs) quy định nguyên tắc hạn chế các hoạt động chống cạnh tranh trong các hợp đồng lixăng (Điều 40 TRIPs). Trong đó, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ thừa nhận tác hại của các hành vi hạn chế cạnh tranh trong một số hoạt động/điều kiện cấp lixăng của các chủ thể quyền SHCN. Các quốc gia có thể lựa chọn và ghi nhận trong pháp luật quốc nội các biện pháp thích hợp để ngăn ngừa/hạn chế các hoạt động trên bao gồm việc cấp ngược (buộc Bên nhận lixăng cấp

* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

cho Bên giao) lixăng độc quyền, điều kiện nhằm ngăn cấm việc không thừa nhận hiệu lực và cấp lixăng trọn gói...

Việc nội luật hóa tinh thần của TRIPs liên quan đến việc hạn chế cạnh tranh, lạm quyền của chủ thể quyền SHCN được thể hiện trong một số điều khoản của Luật Sở hữu trí tuệ. Chẳng hạn như khoản 2 Điều 144 Luật Sở hữu trí tuệ liệt kê những nội dung không được phép xác lập trong các hợp đồng lixăng nhằm hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển giao mà không xuất phát từ quyền lợi của bên giao. Ngoài ra, Luật Sở hữu trí tuệ cũng cho phép áp dụng lixăng bắt buộc đối với sáng chế mà chủ sở hữu sáng chế có hành vi hạn chế cạnh tranh theo pháp luật cạnh tranh (khoản 1.d Điều 145). Theo pháp luật Việt Nam, nguyên tắc cấp lixăng ngược cũng được áp dụng đối với quan hệ chuyển giao giữa sáng chế cơ bản và sáng chế phụ thuộc (khoản 2.a Điều 146 Luật Sở hữu trí tuệ).

Như vậy, để có thể hiểu rõ bản chất pháp lý của hành vi cạnh tranh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, cần xem xét theo hướng cạnh tranh không lành mạnh vi phạm pháp luật SHCN hay việc chủ thể quyền SHCN lạm quyền của mình nhằm hạn chế các đối tác khác tham gia cạnh tranh trên thị trường.

2. Quyền chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp

Bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh (CTKLMSHCN) được công nhận là một yếu tố cấu thành của bảo hộ sở hữu công nghiệp. Trong khi quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở văn bằng bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước cấp thì quyền chống CTKLMSHCN được xác lập trên cơ sở "hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh" (khoản 1.d Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ).

Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được các chủ thể sử dụng nhằm chống lại hành vi trái với tập quán trung thực trong công nghiệp và thương mại. Trong đó, các chủ thể quyền SHCN có thể thực hiện quyền chống CTKLM SHCN song hành với việc áp

dụng/yêu cầu áp dụng các biện pháp thực thi quyền tương ứng chống lại hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình.

Pháp luật bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN nghiêm cấm các hành vi cạnh tranh trái với tập quán trung thực. Phạm vi của các hoạt động và các tập quán được mô tả là cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp rất rộng và được qui định theo pháp luật các nước rất khác nhau. Những gì được coi là không lành mạnh hay không trung thực phần lớn phụ thuộc vào thực trạng nền kinh tế và sự phát triển của xã hội của từng quốc gia.

Khoản 4 Điều 3 Luật Cạnh tranh ghi nhận: "hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng".

Cũng xuất phát từ nhận thức xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi được thực hiện bởi chủ thể là doanh nghiệp và mối quan hệ nhân quả của nó dẫn đến việc gây thiệt hại/có thể gây thiệt hại cho lợi ích công, lợi ích của chủ thể khác/người tiêu dùng mà Luật Cạnh tranh đã xác định những hành vi liên quan tới SHCN sau đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh (Điều 39): Chỉ dẫn gây nhầm lẫn; xâm phạm bí mật kinh doanh...

Nếu như Luật Cạnh tranh quy định các hành vi cạnh tranh nói chung thì Luật Sở hữu trí tuệ là luật riêng quy định chi tiết nhằm xác định các hành vi CTKLMSHCN (Điều 130). Thực tế cho thấy, các dạng cạnh tranh không lành mạnh có thể xuất hiện như: Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc hàng hóa/dịch vụ; sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về các thông tin hàng hóa/dịch vụ; sử dụng nhãn hiệu tại một nước thành viên điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên do đại lý, đại diện bao tiêu sản phẩm tiến hành không được

phép của chủ sở hữu nhãn hiệu; hay như hành vi đăng ký sử dụng tên miền trùng/tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu và/hoặc tên thương mại/chỉ dẫn địa lý của chủ thể khác (trường hợp xảy ra với nhãn hiệu THEBODYSHOP chẳng hạn) nhằm chiếm giữ bất hợp pháp tên miền, lợi dụng/gây thiệt hại uy tín của các chủ thể quyền SHCN...

Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, quyền chống CTKLM SHCN chỉ dừng lại ở việc xác định các hành vi CTKLM SHCN liên quan đến việc sử dụng các chỉ dẫn thương mại (bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, kiểu dáng bao bì hàng hóa, nhãn hàng) và xâm phạm bí mật kinh doanh. Những hành vi đi ngược lại với tập quán trung thực trong kinh doanh liên quan đến nhóm đối tượng sản phẩm sáng tạo khác chưa được đề cập đến. Đây là một trong những khía cạnh cần phải được nhìn nhận trong quá trình chuyển hóa nghĩa vụ điều ước của quốc gia thành viên của Công ước Paris về bảo hộ SHCN.

Theo tinh thần của Điều 10bis Công ước Paris về bảo hộ SHCN, bất cứ hành vi nào trái với tập quán trung thực cũng phải bị coi như hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Như vậy, mọi hành vi xâm phạm quyền SHCN một cách cố ý đối với các chỉ dẫn thương mại hay các đối tượng thuộc nhóm sản phẩm sáng tạo như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp... đều phải bị coi như hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh đó, Điều 5quis Công ước Paris quy định nghĩa vụ các quốc gia thành viên bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và như vậy, các quốc gia thành viên có thể bảo hộ đối tượng này bằng luật SHCN, luật bản quyền hoặc luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Hay nói cách khác, tinh thần của Công ước Paris mở rộng phạm vi bảo hộ quyền chống CTKLM SHCN hơn so với quy định của Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ. Theo đó, hành vi CTKLM SHCN là bất cứ hành vi nào trái với tập quán trung thực bao gồm việc sử dụng chỉ dẫn thương mại không trung thực cũng như việc chiếm dụng thành quả sáng tạo của chủ thể khác.

Một đặc trưng khác của quyền chống CTKLM SHCN là việc tồn tại song hành với quyền ngăn cấm chủ thể khác xâm phạm quyền của chủ thể quyền SHCN. Có thể tạm gọi đây là hình thức bảo hộ “kép” đối với quyền SHCN. Bảo hộ “kép” bao gồm bảo hộ các đối tượng như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, bí mật kinh doanh trên cơ sở pháp luật SHCN trước những hành vi xâm phạm quyền SHCN và bảo hộ quyền của các chủ sở hữu/chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng SHCN trên cơ sở pháp luật chống CTKLM SHCN nhằm chống lại hành vi mạo danh/ hành vi chiếm đoạt thành quả sáng tạo của chủ thể khác. Hay nói cách khác, các chủ sở hữu/chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng SHCN có thể sử dụng quyền ngăn cấm các hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình hoặc dùng quyền chống hành vi CTKLM SHCN để bảo vệ loại quyền tài sản đặc biệt này của mình.

Bảo hộ quyền chống CTKLM SHCN là thành quả của chính sách pháp luật đáp ứng yêu cầu hội nhập ở mức độ cao. Chính sách này không những đảm bảo sự bảo hộ chặt chẽ cho các chủ thể quyền SHCN mà còn bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng trước những hành vi mạo danh trong nền kinh tế thị trường. Như vậy, chủ thể quyền chống hành vi CTKLM SHCN không chỉ bao gồm chủ thể quyền SHCN mà còn bao gồm người tiêu dùng. Trong quá trình xác lập quyền này, chúng ta thấy xuất hiện mối quan hệ pháp lý tương hỗ giữa nhà sản xuất/cung cấp dịch vụ và người tiêu dùng. Nếu nhìn nhận theo hướng như vậy, để thực thi hiệu quả quyền chống hành vi CTKLM SHCN, ngoài những cơ cấu thực thi thông thường, cần phải chú ý đến vai trò tích cực của chủ thể quyền chống hành vi CTKLM SHCN và mối quan hệ giữa các chủ thể đó.

Chính sách của mỗi quốc gia bảo hộ quyền chống các hành vi CTKLM SHCN khác nhau, tùy thuộc vào khả năng bảo hộ của từng quốc gia đó. Đối với các nước đang phát triển, việc thực thi nghĩa vụ bảo hộ quyền SHCN là thách thức đối với hệ thống

pháp luật cũng như cơ chế thực thi của các quốc gia này. Việt Nam cũng không là ngoại lệ trong số đó.

Việc bảo hộ quyền chống CTKLM SHCN áp dụng đối với chỉ dẫn thương mại (hành vi mạo danh) cũng như đối với các sản phẩm sáng tạo trí tuệ như: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, bí mật kinh doanh (hành vi chiếm đoạt thành quả sáng tạo của chủ thể khác) thể hiện phạm vi bảo hộ quyền chống hành vi CTKLM SHCN ở mức cao nhất. Việc bảo hộ quyền chống CTKLM SHCN chỉ áp dụng đối với nhóm chỉ dẫn thương mại nhằm chống lại các hành vi mạo danh sẽ thể hiện phạm vi bảo hộ quyền hẹp hơn. Hay nói cách khác, chính sách bảo hộ phải tương ứng với điều kiện phát triển và cơ chế thực thi của từng quốc gia, đặc biệt đối với những nước đang phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam buộc phải nhận thức cũng như hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu điều ước quốc tế có liên quan.

3. Ngăn ngừa hoạt động hạn chế cạnh tranh liên quan đến sở hữu công nghiệp

Quyền SHCN mang lại nhiều lợi thế cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh đồng thời cũng tạo cơ hội cho chủ thể quyền SHCN có thể lạm dụng quyền của mình hạn chế các đối tác kinh doanh khác tham gia cạnh tranh. Chính vì lẽ đó, trong sự cố gắng ghi nhận tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với hoạt động thương mại và đầu tư, Hiệp định TRIPs vẫn đảm bảo mục tiêu bảo hộ nhằm “giảm sai lệch thương mại và các rào cản đối với thương mại quốc tế, ... thúc đẩy việc bảo hộ có hiệu quả và thoả đáng quyền sở hữu trí tuệ...” (Lời nói đầu TRIPs) khi ghi nhận rằng một số hoạt động/điều kiện cấp lixăng liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ có tính chất hạn chế cạnh tranh và các quốc gia có nghĩa vụ ngăn ngừa, khống chế các tác động xấu của chúng đến hoạt động thương mại.

Hiệp định TRIPs đã khuyến nghị các quốc gia thành viên cụ thể hóa trong luật quốc nội các hoạt động cụ thể hoặc các điều kiện cấp lixăng bị coi là lạm quyền.

Việc nội luật hóa những đòi hỏi của TRIPs liên quan đến nghĩa vụ khống chế tác động xấu của việc hạn chế cạnh tranh được thể hiện trong một số điều khoản về giới hạn quyền của chủ sở hữu quyền SHCN trong Luật Sở hữu trí tuệ (như việc có thể áp dụng lixăng bắt buộc đối với sáng chế cơ bản theo yêu cầu của chủ sở hữu sáng chế phụ thuộc); về loại trừ các điều kiện hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển giao quyền SHCN trong các hợp đồng lixăng; về cấp lixăng ngược cho bên chuyển giao quyền trong quan hệ sáng chế cơ bản và sáng chế phụ thuộc...

Bên cạnh những điều khoản cụ thể hóa các biện pháp ngăn ngừa việc hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực SHCN được ghi nhận trong Luật Sở hữu trí tuệ, các hành vi hạn chế cạnh tranh gây tác động xấu khác trong hoạt động thương mại còn được ghi nhận trong Luật Cạnh tranh.

Theo Điều 3 Luật Cạnh tranh, hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi làm giảm, sai lệch, hạn chế cạnh tranh trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc xác định hành vi hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh, hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến SHCN chỉ có thể biểu hiện thông qua hành vi hạn chế cạnh tranh bằng cách lạm dụng vị trí độc quyền (khi chủ thể quyền SHCN kinh doanh hàng hóa/dịch vụ trên thị trường mà không có đối thủ cạnh tranh). Hành vi đó có thể được cụ thể hóa thông qua việc chủ thể quyền SHCN áp đặt các đối tác ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa/dịch vụ hoặc chấp nhận nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến quyền SHCN được chuyển giao (giải thích theo Điều 13 Luật Cạnh tranh).

Như vậy, để xác định hoạt động hoặc điều kiện cấp lixăng có tính chất hạn chế cạnh tranh cần áp dụng theo Luật Sở hữu trí tuệ hoặc Luật Cạnh tranh (trong trường hợp Luật Sở hữu trí tuệ không quy định cụ thể về các hành vi/điều kiện có liên quan).

Khả năng cụ thể hóa trong luật quốc nội những hoạt động/điều kiện có tính chất hạn chế cạnh tranh liên quan tới SHCN của các

quốc gia phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế thị trường tương ứng.

4. Một số bất cập trong việc xử lý hành vi vi phạm

Nội luật hóa chính sách bảo hộ quyền chống CTKLM SHCN và ngăn ngừa, khống chế hoạt động hạn chế cạnh tranh của chủ thể quyền SHCN đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam là một nhiệm vụ nặng nề. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận tinh thần của các điều ước quốc tế có liên quan một cách tương đối thành công bằng việc xác định hành vi CTKLM SHCN và cụ thể hóa ở mức độ nhất định hoạt động hạn chế cạnh tranh của chủ thể quyền SHCN. Mặc dù vậy, thành công đó sẽ không có ý nghĩa thực sự khi không có cơ chế thực thi tương ứng.

Biện pháp hành chính được áp dụng hết sức phổ biến trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến CTKLM SHCN hay hạn chế cạnh tranh liên quan tới SHCN nói chung tại Việt Nam. Một trong những bất cập lớn liên quan đến cơ chế xử lý hành vi CTKLM SHCN bằng biện pháp hành chính.

Cụ thể, đối với các hành vi CTKLM SHCN, Luật Sở hữu trí tuệ (khoản 3 Điều 211) quy định việc xử phạt vi phạm hành chính áp dụng theo pháp luật về cạnh tranh. Nói cách khác, pháp luật sở hữu trí tuệ đã dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật cạnh tranh trong khi pháp luật SHCN có những quy định rất chi tiết về các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN. Việc loại trừ các biện pháp hành chính chuyên biệt trong quá trình xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHCN đã làm cho việc xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN khó khăn hơn. Theo pháp luật cạnh tranh, việc xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc trách nhiệm của Cục quản lý cạnh tranh thông qua trình tự tố tụng cạnh tranh. Thực tế cho thấy, việc xác định hành vi CTKLM SHCN theo cơ chế này không mấy hiệu quả do việc giao thẩm quyền chuyên biệt trong lĩnh vực SHCN cho cơ quan quản lý cạnh tranh chung. Cơ quan này cũng không thể tham khảo ý kiến

giám định của tổ chức giám định độc lập bởi hiện tại chỉ có 1 tổ chức giám định độc lập được phép hoạt động và 4 giám định viên được cấp thẻ hoạt động trong lĩnh vực giám định SHCN nhưng không bao gồm giám định hành vi CTKLM SHCN (do điều kiện cấp thẻ giám định viên trên cơ sở 15 năm kinh nghiệm hoạt động - trong khi đó, quyền chống CTKLM SHCN mới chỉ được bảo hộ từ năm 2000 theo Nghị định 54/2000/NĐ-CP)...

Giả sử việc xử phạt vi phạm hành chính xác định theo Luật Sở hữu trí tuệ thì theo Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi cũng như Nghị định 107/2007/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN, không có quy định cụ thể về việc xử phạt đối với hành vi CTKLM SHCN mà chỉ xác định chế tài đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN khác.

Tương tự đối với các biện pháp dân sự và hình sự, việc xác định hành vi CTKLM SHCN không hề đơn giản dựa trên pháp luật thực định cũng như thực tế hỗ trợ của các tổ chức giám định như đã đề cập ở trên.

Đối với việc ngăn ngừa hoạt động hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực SHCN, nếu đã được cụ thể hóa trong pháp luật sở hữu trí tuệ thì áp dụng các biện pháp dân sự, hành chính hay hình sự theo Luật Sở hữu trí tuệ 2005 được sửa đổi năm 2009 và pháp luật có liên quan khác. Tuy nhiên, nếu không được cụ thể hóa trong Luật Sở hữu trí tuệ mà phải áp dụng Luật Cạnh tranh (khoản 5 Điều 13 Luật cạnh tranh) thì việc xử lý hoạt động đó phải tuân theo Luật Cạnh tranh và pháp luật liên quan khác.

Kết luận: Việt Nam đã chuyển hóa nghĩa vụ điều ước quốc tế liên quan đến các hành vi cạnh tranh trong lĩnh vực SHCN một cách tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, mức độ bảo hộ của pháp luật Việt Nam cũng như các biện pháp, cơ chế thực thi tương thích còn phải được xem xét và hoàn thiện theo từng bước phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, việc giải thích và áp dụng pháp luật trong lĩnh vực này còn phụ thuộc nhiều vào trình độ nhận thức của các cơ quan chức năng cũng như cá nhân có thẩm quyền liên quan.